|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP**

**ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động**

**kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 232/2025/NĐ-Chính phủ ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động sản xuất vàng miếng, hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 24/2012/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Chương II**

**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ;**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG;**

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

**Điều 3.** **Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung địa điểm sản xuất trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hồ sơ kèm theo văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới.

Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ của địa điểm sản xuất do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

**Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh).

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với doanh nghiệp), văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại khoản 2 Điều này đã được thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 2 (hai) năm liền kề trước đó đối với doanh nghiệp.

**Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh số vốn điều lệ của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy định;

c) Quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như: quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất vàng miếng; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm;

d) Tài liệu chứng minh đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh vàng (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại trong Giấy phép sản xuất vàng miếng:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ, tài liệu chứng minh các nội dung thay đổi theo điểm a khoản này (đối với doanh nghiệp).

Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng.

**Chương III**

**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG**

**Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung** **Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài;

c) Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (không áp dụng đối với doanh nghiệp xin cấp Giấy phép lần đầu);

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm;

c) Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bản kế hoạch điều chỉnh sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

**Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp** **Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch hoặc khi cần bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu theo kế hoạch, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm vàng tại thị trường Việt Nam trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (trường hợp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu trong năm kế hoạch) hoặc từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (trường hợp bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu) theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu, nhập khẩu và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (không áp dụng đối với doanh nghiệp xin cấp Giấy phép lần đầu).

**Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài hoặc được phân chia sản phẩm theo thỏa thuận khai thác vàng ở nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình khai thác và nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (nếu có), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan nhập khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến xuất khẩu là do doanh nghiệp khai thác.

4. Báo cáo tình hình khai thác và xuất khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (nếu có), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng**

Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm tiếp theo:

1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động xuất, nhập khẩu vàng (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp** **Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh nguồn gốc vàng miếng xuất khẩu.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch sử dụng vàng miếng nhập khẩu/Kế hoạch sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu.

**Chương IV**

**THỦ TỤC CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ; GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG; GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG; HẠN MỨC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG;**

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG**

**Điều 12. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ**

1. Văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung các loại Giấy phép hoạt động kinh doanh vàng quy định tại Chương II Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép phải được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.

3. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao phải nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

5. Hồ sơ được gửi theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có);

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính);

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

d) Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

đ) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

**Điều 13.** **Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

1. Doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 3 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét và cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

**Điều 14. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

1. Doanh nghiệp có nhu cầu cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn có giá trị của Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp phép. Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép. Khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu được xác định căn cứ hợp đồng gia công, kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ hợp đồng điều chỉnh và các quy định tại Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn của Giấy phép sửa đổi, bổ sung được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công điều chỉnh và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép lần đầu. Trường hợp điều chỉnh khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng điều chỉnh được xác định căn cứ hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 15. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam**

1. Doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài và doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác vàng tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 16. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

1. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 4 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

2. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp) và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực báo cáo kết quả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 17. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng**

1. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại có nhu cầu cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do).

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp, ngân hàng thương mại thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do).

**Điều 18. Thủ tục cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng**

1. Chậm nhất ngày 15 tháng 11 năm liền kề trước năm đề nghị cấp hạn mức, các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP có nhu cầu cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm tiếp theo gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tại khoản 1 Điều này theo mẫu tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản thông báo từ chối (ghi rõ lý do).

**Điều 19. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng**

1. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng có nhu cầu xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép (ghi rõ lý do).

**Điều 20. Xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng, hạn mức hằng năm xuất khẩu, nhập khẩu vàng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP**

1. Căn cứ vào mục tiêu chính sách tiền tệ và cung - cầu vàng trong từng thời kỳ, quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước, tình hình thực hiện hoạt động xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức hằng năm đối với việc xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở tổng hạn mức hằng năm quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện cấp hạn mức hằng năm cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy mô vốn điều lệ; tình hình xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các năm trước (nếu có) và nhu cầu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

3. Thời hạn xây dựng, cấp hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 21. Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng**

1. Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng (sau đây gọi tắt là Hội đồng xây dựng hạn mức) do Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phụ trách công tác quản lý hoạt động kinh doanh vàng làm Chủ tịch; các thành viên là Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước: Cục Quản lý ngoại hối, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính, Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng. Hội đồng xây dựng hạn mức hoạt động theo Quy chế do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xây dựng hạn mức: Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu; phân bổ hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.

**Chương V**

**HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT;**

**HOẠT ĐỘNG KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG;**

**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**Điều 22. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

a) Doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, trong đó nêu rõ lý do;

a.2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm Thông tư này;

b) Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

**Điều 23. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

1. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;

a.2) Bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (nếu có);

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà Việt Nam nước ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cục Quản lý ngoại hối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

**Điều 24. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng**

1. Trường hợp doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng:

a) Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;

a.2) Bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép sản xuất vàng miếng (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy phép khi:

a) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Bị thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư này. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại phải chấm dứt ngay hoạt động sản xuất vàng miếng tại thời điểm bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếngvà phải nộp lại bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và các Quyết định điều chỉnh (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong vòng 3 (ba) ngày làm việc.

**Chương VI**

**KẾT NỐI CUNG CẤP THÔNG TIN**

**Điều 25. Nguyên tắc, cách thức kết nối thông tin**

Việc kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu được thực hiện theo nguyên tắc, cách thức sau:

1. Thông tin cung cấp đảm bảo đầy đủ, chính xác.

2. Kết nối được thực hiện kịp thời và phải được thực hiện liên tục.

3. Kết nối bằng phương thức điện tử.

**Điều 26. Phạm vi kết nối thông tin**

1. Thông tin kết nối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng bao gồm:

a) Thông tin căn cước cá nhân, mã số thuế doanh nghiệp (lưu trữ tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng);

b) Khối lượng mua, bán vàng miếng;

c) Giá trị giao dịch mua, bán vàng miếng.

Mẫu thông tin kết nối được quy định tại Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông tin kết nối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu bao gồm:

a) Thông tin về hoạt động sản xuất vàng miếng (nguyên liệu đầu vào, thời gian sản xuất, sản phẩm đầu ra);

b) Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng (khối lượng vàng, hàm lượng vàng, giá trị xuất khẩu, nhập khẩu);

c) Thông tin về hoạt động giao dịch bán vàng nguyên liệu (đối tác, khối lượng, hàm lượng và giá trị giao dịch).

Mẫu thông tin kết nối được quy định tại các Phụ lục số 27, 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 27. Thời hạn lưu trữ thông tin**

Thời hạn tối thiểu lưu trữ thông tin cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Điều 26 Thông tư này là 10 (mười) năm kể từ ngày dữ liệu thông tin được kết nối cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Chương VII**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 28. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực**

1. Định kỳ hằng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tổng hợp báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn theo mẫu Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo quý: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo.

**Điều 29. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng**

1. Định kỳ hằng ngày hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam doanh số kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng có thực hiện thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (bao gồm thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép) gửi báo cáo về các nội dung thay đổi, điều chỉnh nêu trên phát sinh trong kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của toàn hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính;

b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của chi nhánh, phòng giao dịch có phát sinh thay đổi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có chi nhánh, phòng giao dịch đó;

Trường hợp thay đổi địa chỉ của điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không cần gửi báo cáo theo quy định tại khoản này.

3. Định kỳ hằng quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp kinh doanh vàng thực hiện báo cáo tình hình kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định sau:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ thực hiện báo cáo hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm thực hiện báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ xuất khẩu báo cáo tình hình xuất nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Định kỳ hằng tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) tình hình thực hiện sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 23, 27, 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

Định kỳ hằng tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo mẫu tại Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tình hình thực hiện hợp đồng gia công kèm theo Bảng thanh khoản hợp đồng gia công có xác nhận của hải quan.

6. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng phải niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm kinh doanh, mua bán vàng miếng hoặc trên trang thông tin điện tử và kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

7. Trong trường hợp nội dung báo cáo tại khoản 1, 4 và 5 Điều này được quy định tại chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

**Điều 30. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ**

Thời hạn nộp các báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư này như sau:

1. Đối với báo cáo định kỳ hằng ngày: chậm nhất vào 14 giờ của ngày làm việc tiếp theo ngày báo cáo.

2. Đối với báo cáo định kỳ hằng tháng: chậm nhất vào ngày 8 (tám) của tháng tiếp theo tháng báo cáo.

3. Đối với báo cáo định kỳ hằng quý: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo.

4. Đối với báo cáo định kỳ hằng năm: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo.

**Chương VIII**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

**Điều 31. Trách nhiệm doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng**

Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.

**Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Cục Quản lý ngoại hối:

a) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại;

b) Cử đại diện tham gia Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 21 Thông tư này. Đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định tổng hạn mức hàng năm đối với việc xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu; hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại;

c) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 21 Thông tư này;

d) Tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tài chính, tiền tệ, Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng cử đại diện tham gia Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 21 Thông tư này, phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Cục Công nghệ thông tin phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối hướng dẫn cách thức, tổ chức triển khai và tiếp nhận thông tin kết nối của các tổ chức theo quy định tại Thông tư này.

4. Thời báo ngân hàng có trách nhiệm tiếp nhận và đăng tải trên trang thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về giá mua, giá bán vàng miếng do doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cung cấp.

5. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động kinh doanh vàng quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Nghị định 232/2025/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.

**Chương IX**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành, bao gồm:

a) Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

b) Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

c) Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

d) Thông tư số 29/2019/TT-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

đ) Thông tư số 15/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

e) Điều 1 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

3. Các Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Giấy phép đó hết hiệu lực. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Thời điểm bắt đầu triển khai kết nối các thông tin từ doanh nghiệp, ngân hàng thương mại cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Chương VI Thông tư này được thực hiện chậm nhất trước ngày 31/3/2026.

5. Thời điểm bắt đầu triển khai kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 7 Điều 30 Thông tư này được thực hiện chậm nhất trước ngày 31/12/2025.

6. Việc xây dựng, điều chỉnh và phân bổ hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu trong năm 2025 cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP được căn cứ vào tình hình cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại; không điều chỉnh bởi khoản 3 Điều 20 Thông tư này.

7. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Lãnh đạo NHNN;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);  - Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;  - Tổ chức tín dụng;  - Công báo;  - Lưu: VP, QLNH, PC (05 bản). | **THỐNG ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 01**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *, ngày...... tháng...... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC...

1. Tên doanh nghiệp:

2. Trụ sở chính:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Điện thoại:                                            Email:

5. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

7. Vốn điều lệ:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực...... xem xét:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp).

- Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp), nội dung cụ thể:

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực…;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Hồ sơ gửi kèm:*** *(Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).*

**PHỤ LỤC SỐ 02**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP/  TỔ CHỨC TÍN DỤNG  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *, ngày...... tháng...... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI) |

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

2. Trụ sở chính:

3. Điện thoại:                                               Email:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng:

5. Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số:

6. Vốn điều lệ:

7. Thời gian hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng:

8. Số lượng chi nhánh, địa điểm bán hàng tại Việt Nam:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho (tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng).

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP/**  **TỔ CHỨC TÍN DỤNG** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Hồ sơ gửi kèm:*** *(Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng liệt kê các tài liệu gửi kèm).*

**PHỤ LỤC SỐ 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DOANH NGHIỆP/  NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
|  | | *…. , ngày* … *tháng* … *năm* … |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

3. Giấy đăng ký doanh nghiệp số/Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số:

4. Trụ sở chính:

5. Vốn điều lệ:

6. Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp/sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng.

8. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng):

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA**  **DOANH NGHIỆP/NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI** (*Ký tên, đóng dấu)* |

***Hồ sơ gửi kèm:*** *(Doanh nghiệp/Ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)*

**PHỤ LỤC SỐ 04**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *, ngày...... tháng...... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP** **TẠM NHẬP VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ VỚI NƯỚC NGOÀI/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỂ SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC

1. Tên doanh nghiệp:

2. Trụ sở chính:

3. Điện thoại:                                    Email:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

5. Giấy chứng nhận đầu tư số: ... ngày cấp...(đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

5.1. Hình thức đầu tư: (100% vốn nước ngoài/liên doanh...)

5.2. Tổng vốn đầu tư (theo Giấy chứng nhận đầu tư):

Trong đó: - Vốn đầu tư:

                - Vốn vay:

5.3. Tỷ lệ xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam (theo Giấy chứng nhận đầu tư):

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (đối với doanh nghiệp trong nước có nhu cầu tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm cho nước ngoài);

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực… xem xét cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ, với nội dung như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vàng** | **Hàm lượng  (%)** | **Khối lượng  (kg)** | **Giá trị ước tính (USD)** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
|  | Tổng |  | ... | ... |

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Hồ sơ gửi kèm:*** *(Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).*

**PHỤ LỤC SỐ 05**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP/  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |  |
|  | *......., ngày...... tháng........ năm.......* |  |

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC…

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU/**

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**Báo cáo từ... đến...**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại vàng** | **Hạn ngạch** (kg) | **Tồn đầu kỳ** | | **Nhập khẩu** | | **Sản xuất** | **Xuất khẩu** | | **Bán trong nước (nếu có)\*** | | **Tồn cuối kỳ** | |
| **Khối lượng** (kg) | **Giá trị** (VNĐ) | **Khối lượng** (kg) | **Giá trị** (USD) | **Khối lượng** (kg) | **Khối lượng** (kg) | **Giá trị** (USD) | **Khối lượng** (kg) | **Giá trị** (VNĐ**)** | **Khối lượng** (kg) | **Giá trị** (VNĐ) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 (\*) Áp dụng với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 06**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *......., ngày...... tháng........ năm.......* |

Kính gửi:...................................................................................

**BẢNG KÊ CÁC TỜ KHAI HẢI QUAN**

**(XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU/TẠM NHẬP TÁI XUẤT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số tờ khai** | **Ngày đăng ký** | **Sản phẩm xuất khẩu** | | **Vàng nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng để sản xuất, gia công sản phẩm xuất khẩu**  *(chi tiết đối với từng tờ khai)* | | |
| **Khối lượng** *(kg)* | **Giá trị** *(USD)* | **Loại vàng** | **Khối lượng** *(kg)* | **Giá trị** *(USD)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 07**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *, ngày...... tháng...... năm......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC KHAI THÁC VÀNG/GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀNG TẠI VIỆT NAM**

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

1. Tên doanh nghiệp:

2. Trụ sở chính:

3. Điện thoại: Email:

4. Giấy chứng nhận đầu tư số: ... ngày cấp...

4.1. Hình thức đầu tư: (100% vốn nước ngoài/liên doanh...)

4.2. Tổng vốn đầu tư (theo Giấy chứng nhận đầu tư):

Trong đó: - Vốn đầu tư:

                - Vốn vay:

5. Giấy phép khai thác vàng (đối với doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác):

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hạn ngạch nhập khẩu/xuất khẩu vàng nguyên liệu cho... (tên doanh nghiệp) trong năm... với nội dung cụ thể như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu/xuất khẩu (tính theo Kg):

2. Loại vàng xin nhập khẩu/xuất khẩu (theo hàm lượng vàng):

3. Mục đích nhập khẩu/xuất khẩu:

4. Cửa khẩu nhập khẩu/xuất khẩu:

5. Thời gian dự định nhập khẩu/xuất khẩu:

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Hồ sơ gửi kèm:*** *(Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm)*

**PHỤ LỤC SỐ 08**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP  Số... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *..., ngày... tháng... năm...* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI) |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ**

**NHẬP KHẨU/XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

*(áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng*

*và doanh nghiệp có giấy phép khai thác vàng)*

**Báo cáo từ... đến...**

*(theo Giấy phép số... ngày... của Ngân hàng Nhà nước)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại vàng** | **Sản lượng khai thác** (kg) | **Hạn ngạch được cấp** (kg) | **Đã thực hiện**  (kg) | **Lũy kế từ đầu năm** (kg) | **Còn lại**  (kg) |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | **...** | **...** |  | **...** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 09**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| DOANH NGHIỆP/  NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
|  | | | *…, ngày* … *tháng* … *năm* … |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/**

**NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU;**

**CẤP HẠN MỨC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG**

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Trụ sở chính:

3. Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ... ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu/cấp hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng với các nội dung, cụ thể:

**1. Thông tin chung:** Đề nghị xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng nguyên liệu, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vàng**  (Vàng miếng/ nguyên liệu) | **Hàm lượng** (%) | **Khối lượng** (kg) | **Giá trị ước tính**  (USD) | **Hạn mức đề nghị** (\*) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |  |

*(\*) Cột này áp dụng đối với các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu quy định tại Điều 10 Thông tư này.*

**2. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu** ***(đối với đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu):*** ………………………………………………………………………………….

*(Sản xuất vàng miếng/ Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/ Bán cho các doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/ Bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)*

**3. Cửa khẩu dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu:**

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦADOANH NGHIỆP/NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**  (*Ký tên, đóng dấu)* |

***Hồ sơ gửi kèm:*** *(Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)*

**PHỤ LỤC SỐ 10**

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM **CHI NHÁNH KHU VỰC...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: | *..., ngày... tháng... năm...* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC MỸ NGHỆ**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC......**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hồ sơ kèm theo của....,*

**CHỨNG NHẬN**

**Điều 1.** Chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa điểm sản xuất:

**đủ điều kiện và được phép hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.**

**Điều 2.** Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày ….. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: NHNN CN Khu vực. | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 11**

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM **CHI NHÁNH KHU VỰC...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: | *..., ngày... tháng... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/ Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) lần thứ...**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC...**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét văn bản đề nghị số     ngày     của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Các nội dung... tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) số... ngày... được điều chỉnh như sau:.......................................................................................

**Điều 2.** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:* -** Như Điều 1; *-* Lưu: NHNN CN Khu vực. | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 12**

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **CHI NHÁNH KHU VỰC...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số:** | *..., ngày... tháng... năm...* |

**GIẤY PHÉP TẠM NHẬP VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM/**

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỂ SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC…**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập khẩu vàng nguyên liệu và hồ sơ kèm theo của Doanh nghiệp....;*

*Theo đề nghị của ….,*

**QUYẾT ĐỊNH**

1.  Cho phép doanh nghiệp... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng... Kg *(Bằng chữ)* qua cửa khẩu........ trong năm.... để tái xuất sản phẩm, cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại vàng (K)** | **Khối lượng (Kg)** |
| 24K |  |
| 18K |  |
| .... | ... |
| **Tổng** |  |

Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép.

2. Giấy phép này có giá trị đến...........

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cục Hải quan; (để phối hợp) - NHNN CN Khu vực...;  - Lưu: | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 13**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số:** | *..., ngày... tháng... năm...* |
|  |  |
|  |  |

**GIẤY PHÉP** **NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI**

**DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC**

**KHAI THÁC VÀNG /XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀNG TẠI VIỆT NAM**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Cho phép doanh nghiệp... được nhập khẩu do Công ty khai thác vàng từ nước ngoài/xuất khẩu vàng nguyên liệu do Công ty khai thác trong nước với khối lượng... Kg *(Bằng chữ)* qua cửa khẩu......, cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại vàng (K)** | **Khối lượng (Kg)** |
| 24K |  |
| 18K |  |
| .... | .... |
| **Tổng** |  |

2. Doanh nghiệp... tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng nguyên liệu nhập khẩu là do Công ty….. khai thác được từ nước ngoài/xuất khẩu là do Công ty.... đã khai thác trong nước.

3. Yêu cầu Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày ….. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...........

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cục Hải quan; (để phối hợp) - NHNN CN Khu vực; (để phối hợp) - Lưu: VP, QLNH | **THỐNG ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 14**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:     /GP-NHNN | *Hà Nội, ngày... tháng... năm...* |

**GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cho phép:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Vốn điều lệ:

**hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.**

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp, ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực..../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 1; - NHNN CN Khu vực...; - Thanh tra NHNN; - Lưu: VP, QLNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 15**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:      /GP-NHNN | *Hà Nội, ngày... tháng... năm...* |

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT** **VÀNG MIẾNG/**

**QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp/sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại…..;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cho phép

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Trụ sở chính:

3. Vốn điều lệ:

**được phép sản xuất vàng miếng.**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/tổ chức tín dụng…, ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính), một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với trường hợp nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất khác với trụ sở chính)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 1;  - Thanh tra NHNN; - NHNN CN Khu vực...; - Lưu: VP, QLNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 16**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:……… | *Hà Nội, ngày... tháng... năm...* |

**HẠN MỨC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG;**

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG**

**/NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

Cho phép

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Trụ sở chính:

3. Vốn điều lệ:

4. Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

5. ... được xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng vàng nguyên liệu trong năm ….. cụ thể như sau:

*Đơn vị: kg*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Xuất khẩu vàng miếng** | | **Nhập khẩu vàng miếng** | | **Nhập khẩu vàng nguyên liệu** | |
|  | **Loại vàng (hàm lượng)** | **Khối lượng** | **Loại vàng (hàm lượng)** | **Khối lượng** | **Loại vàng (hàm lượng)** | **Khối**  **lượng** |
| Quý I |  |  |  |  |  |  |
| Quý II |  |  |  |  |  |  |
| Quý III |  |  |  |  |  |  |
| Quý IV |  |  |  |  |  |  |

6. ... được xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng vàng nguyên liệu với khối lượng... Kg *(Bằng chữ)* qua cửa khẩu......, cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại vàng (hàm lượng)** | **Khối lượng (Kg)** |
| … |  |
| … |  |
| .... |  |
| **Tổng** |  |

7. Doanh nghiệp/ngân hàng thương mại... tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng dùng để xuất khẩu/nhập khẩu.

8. Yêu cầu Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày ….. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

9. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...........

**Điều 2.** Quyết định này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng thương mại nhà nước…, ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực… (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất)..../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 1;  - Cục Hải quan (để phối hợp); - NHNN CN Khu vực...; - Lưu: VP, QLNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 17**

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM **CHI NHÁNH KHU VỰC...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: | *..., ngày... tháng... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC…**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét văn bản đề nghị số     ngày    của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo, Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số    ngày    của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền),*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

**Điều 2.** (trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:* -** Như Điều 1; - Lưu: NHNN Khu vực. | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 18**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:       /QĐ-NHNN | *Hà Nội, ngày... tháng... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**về việc thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét văn bản đề nghị số   ngày    của (tên doanh nghiệp, tổ chức tín dụng) và hồ sơ kèm theo;/Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số     ngày    của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền);*

*Theo đề nghị của Vụ Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp/tổ chức tín dụng sau:

Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

Địa chỉ trụ sở chính:

Vốn điều lệ:

**Điều 2.** (trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, (tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng) có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:* -** Như Điều 1; - NHNN CN Khu vực; - Lưu: VP, QLNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 19**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:      /QĐ-NHNN | *Hà Nội, ngày... tháng... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**về việc thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thu hồi Giấy phép số…….ngày ........tháng........ năm........và Quyết định điều chỉnh (nếu có) đã cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, doanh nghiệp/ngân hàng thương mại có trách nhiệm chấm dứt ngay hoạt động sản xuất vàng miếng;

2. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng có hiệu lực, doanh nghiệp/tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng nộp lại bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và các Quyết định điều chỉnh (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

**Điều 3:** ...(doanh nghiệp/ngân hàng thương mại) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 1;  - Thanh tra NHNN; - NHNN CN Khu vực...; - Lưu: VP, QLNH. | **THỐNG ĐỐC** | |
|  | |  | |

**PHỤ LỤC SỐ 20**

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM **CHI NHÁNH KHU VỰC...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: | *..., ngày... tháng... năm...* |

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG**

***Quý … / Năm …***

**1. Số lượng doanh nghiệp sản xuất vàng TSMN trên địa bàn: …**

**2. Số liệu báo cáo tổng hợp:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vàng** (kara) | **Khối lượng SX vàng TSMN**  (kg) | **Trị giá** (triệu đồng) | **Lũy kế từ đầu năm** (kg) | **Thay đổi so với kỳ trước** (%) | **Dự kiến kỳ tiếp theo** (kg) |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** |
| **I** | **Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)** | … | … |  |  |  |
| *I.1* | *Vàng TSMN 24k* | … | … | … | … | … |
| *I.2* | *Vàng TSMN 18k* | … | … | … | … | … |
| *I.3* | *Vàng TSMN 14k* | … | … | … | … | … |
| *I.4* | *Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k* | … | … | … | … | … |
| **II** | **Tổng (quy vàng 24k)** |  |  |  |  |  |

**3. Số lượng doanh nghiệp nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm sản xuất vàng trên địa bàn: …**

**4. Số liệu báo cáo tổng hợp:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vàng** (kara) | **Hạn ngạch** (kg) | **Tồn đầu kỳ** | | **Thực nhập** | | **Sản xuất** | **Thực xuất** | | **Tồn cuối kỳ** | |
| Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | ***(11)*** | ***(12)*** |
| **I** | **Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)** | … |  | … |  | … |  |  | … |  | … |
| *I.1* | *Vàng TSMN 24k* | … | … | … | … | … | … | … | … | … | … |
| *I.2* | *Vàng TSMN 18k* | … | … | … | … | … | … | … | … | … | … |
| *I.3* | *Vàng TSMN 14k* | … | … | … | … | … | … | … | … | … | … |
| *I.4* | *Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k* | … | … | … | … | … | … | … | … | … | … |
| **II** | **Tổng (quy vàng 24k)** | … | … |  | … |  | … | … |  | … |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: NHNN CN Khu vực...; | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC SỐ 21**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  DOANH NGHIỆP  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..., ngày... tháng... năm...* |
|  |  |

**Kính gửi:.**......................................................

**BÁO CÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG VÀ**

**ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

*(Quý... năm...)*

**Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số... ngày...**

**1. Báo cáo nội dung thay đổi thông tin trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thông tin trên Giấy phép** | **Trước thay đổi** | **Sau thay đổi** | **Số, ngày đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp** |
| 1 | Tên TCTD/doanh nghiệp |  |  |  |
| 2 | Địa chỉ trụ sở chính |  |  |  |
| 3 | Vốn điều lệ |  |  |  |

**2. Báo cáo mạng lưới kinh doanh mua, bán vàng miếng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** |
| 1 | Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng quý trước |  |
| 2 | Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ |  |
| 3 | Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung trong quý báo cáo |  |
| 4 | Số địa điểm chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng trong quý báo cáo |  |
| 5 | Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đến hết quý báo cáo |  |

**3. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trước thay đổi** | | **Sau thay đổi** | | **Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm thay đổi** |
|  | **Tên** | **Địa chỉ** | **Tên** | **Địa chỉ** |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**4. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên địa điểm** | **Địa chỉ** | **Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm bổ sung** |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**5. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng chấm dứt hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên địa điểm** | **Địa chỉ** | **Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm chấm dứt** |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại)* | **Đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng/doanh nghiệp** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 22**

|  |  |
| --- | --- |
| DOANH NGHIỆP  Số:  Điện thoại:  Email: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..., ngày... tháng... năm...* |

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

*(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do NHNN chi nhánh Khu vực cấp)*

**Báo cáo quý.../năm...**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại vàng** | **Khối lượng sản xuất**  *(kg)* | **Trị giá**  *(triệu đồng)* | **Lũy kế từ đầu kỳ**  *(kg)* | **Thay đổi**  **so kỳ trước**  *(%)* | **Dự kiến kỳ tiếp theo**  *(kg)* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **...** | **...** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên NHTM/ DOANH NGHIỆP**  **Điện thoại: …** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *… , ngày … tháng … năm …* |

**PHỤ LỤC SỐ 23**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

*(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Loại vàng** | **Khối lượng sản xuất *(lượng)*** | | |
| ***Miếng có trọng lượng 10 chỉ*** | ***Miếng có các trọng lượng khác***  ***(1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ ..)*** | ***Tổng*** |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** |
| **I** | **Thương hiệu A ( I = I.1 + I.2 + .. + I.n)** | **…** | **…** | **…** |
| I.1 | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
| I.2 | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
|  | **…** | **…** | **…** | ***…*** |
| I.n | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
| **II** | **Thương hiệu B ( II = II.1 + II.2 + .. + II.n)** | **…** | **…** | **…** |
| II.1 | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
| II.2 | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
|  | … | **…** | **…** | **…** |
| II.n | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
| **N** | **Thương hiệu N (N = N.1 + N.2 + .. + N.n)** | **…** | **…** | **…** |
| N.1 | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
| N.2 | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
|  | … | **…** | **…** | **…** |
| N.n | Ngày …/…/… | **…** | **…** | **…** |
|  | … | **…** | **…** | **…** |
|  | **Tổng khối lượng sản xuất trong tháng**  **(= I + II + … + N)** | **…** | **…** | ***…*** |

***Tháng … năm …***

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  **/ngân hàng thương mại** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **PHỤ LỤC SỐ 24** |
| **Tên NHTM/ DOANH NGHIỆP  Điện thoại: …** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…... , ngày ... tháng ... năm ...* |

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG VÀ VÀNG NGUYÊN LIỆU**

*(Áp dụng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng,*

*nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu)*

***Tháng … năm …***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Hoạt động** | **Hạn mức được cấp đầu năm** | **Số Giấy phép của NHNN** | **Hạn ngạch đầu kỳ** (kg) | **Ngày thực hiện xuất/nhập khẩu** | **Nhập khẩu/ xuất khẩu** | | **Hạn ngạch còn lại** (kg) |
| Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** |  | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** |
| **I** | **NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG (I=I.1 + I.2 + …)** *(chi tiết theo thương hiệu)* | … |  |  |  |  | … | … |
| *I.1* | *Thương hiệu A* | … | … | … | … | … | … | … |
| *I.2* | *Thương hiệu B* | … | … | … | … | … | … | … |
|  | *(Thương hiệu khác)* | … | … | … | … | … | … | … |
| **II** | **XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG (II=II.1 + II.2+ …)** *(chi tiết theo thương hiệu)* | … |  |  |  | … | … | … |
| *II.1* | *Thương hiệu A* | … | … | … | … | … | … | … |
| *II.2* | *Thương hiệu B* | … | … | … | … | … | … | … |
|  | *(Thương hiệu khác)* | … | … | … | … | … | … | … |
| **III** | **NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU** | … | … | … | … | … | … | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  **/ngân hàng thương mại** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 25**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP/  NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *......., ngày...... tháng........ năm.......* |

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU VÀNG**

*(áp dụng cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng)*

**Báo cáo từ... đến...**

*Đơn vị: Kg*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Hạn mức được cấp** | **Khối lượng đã thực hiện** |
| 1 | Xuất khẩu vàng miếng |  |  |
| 2 | Nhập khẩu vàng miếng |  |  |
| 3 | Nhập khẩu vàng nguyên liệu |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 26**

**Tên TCTD/ DOANH NGHIỆP**

**Điện thoại: …**  *…, ngày …. tháng … năm …*

**BÁO CÁO DOANH SỐ MUA, BÁN VÀNG MIẾNG HÀNG NGÀY**

*(Áp dụng đối với các TCTD/ doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng)*

***Ngày … tháng … năm …***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khách hàng** | **Mã TCTD/**  **Doanh nghiệp** | **Doanh số mua** | | **Doanh số bán** | |
| *Khối lượng*  *(lượng vàng)* | *Giá trị*  *(triệu VNĐ)* | *Khối lượng*  *(lượng vàng)* | *Giá trị*  *(triệu VNĐ)* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| **I** | **Cá nhân** |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| **II** | **DN/TCTD** |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| II.1 | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| II.2 | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
|  | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| II.n | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| **III** | **Tổng số (I+II)** |  | **…** | **…** | **…** | **…** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 27**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên NHTM/ DOANH NGHIỆP**  **Điện thoại: …** | *… , ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO NGUỒN NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

*(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)*

***Tháng … năm …***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nguồn nguyên liệu** | **Giấy phép**  **nhập khẩu**  *(áp dụng đối với*  *nguồn SX từ NK)* | **Thương hiệu**  *(áp dụng đối với vàng miếng)* | **Khối lượng**  *(kg)* |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** |
| **I** | **Vàng do NHTM/ doanh nghiệp tự nhập khẩu để sản xuất vàng miếng (= I.1 + I.2). Trong đó:** |  |  | **…** |
| I.1 | Vàng nguyên liệu *(từ hàm lượng từ 99,5% trở lên)* | **…** |  | **…** |
| I.2 | Vàng miếng | **…** | **…** | **…** |
| **II** | **Vàng do NHTM/ doanh nghiệp mua từ NHTM/ doanh nghiệp khác để sản xuất vàng miếng (=II.1 + II.2). Trong đó:** |  |  | **…** |
| II.1 | Vàng nguyên liệu *(từ hàm lượng từ 99,5% trở lên)* |  |  | **…** |
| II.2 | Vàng miếng |  |  | **…** |
| **III** | **Vàng do NHTM/ doanh nghiệp mua từ nguồn khác để sản xuất vàng miếng (KH cá nhân...) (= III.1 + III.2). Trong đó:** |  |  | **…** |
| III.1 | Vàng nguyên liệu *(từ hàm lượng từ 99,5% trở lên)* |  |  | **…** |
| III.2 | Vàng miếng |  |  | **…** |
| **IV** | **Tổng (= I + II + III)** |  |  | **…** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  **/ngân hàng thương mại** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 28**

**TÊN NHTM/ DOANH NGHIỆP**

**Điện thoại: …**

*… , ngày …. tháng … năm…*

**BÁO CÁO DOANH SỐ MUA, BÁN VÀNG NGUYÊN LIỆU**

***Tháng … năm …***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khách hàng** | | **Mã TCTD/**  **Doanh nghiệp** | **Doanh số mua** | | **Doanh số bán** | |
| ***Khối lượng***  *(kg vàng)* | ***Giá trị***  *(triệu VNĐ)* | ***Khối lượng***  *(kg vàng)* | ***Giá trị***  *(triệu VNĐ)* |
| ***(1)*** | ***(2)*** | | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** |
| **I** | **Tổng cá nhân (I = I.1 + I.2 + … + I.n)** | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| I.1 | Cá nhân 1 | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| I.2 | Cá nhân 2 | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
|  | **…** | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| I.n | Cá nhân n | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| **II** | **Tổng TCTD (II = II.1 + II.2 + … + II.n)** | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| II.1 | TCTD 1 | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| II.2 | TCTD 2 | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
|  | **…** | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| II.n | TCTD n | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| **III** | **Tổng doanh nghiệp (III = III.1 + III.2 + … + III.n)** | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| III.1 | Doanh nghiệp 1 | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| III.2 | Doanh nghiệp 2 | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
|  | **…** | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| III.n | Doanh nghiệp n | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |
| **IV** | **Tổng cá nhân, TCTD và doanh nghiệp (IV = I+ II+III)** | |  | **…** | **…** | **…** | **…** |
| **Người lập biểu** *(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)* | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  **/ngân hàng thương mại**  *(Ký, họ tên, đóng dấu)* | | | | | | |